

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 113/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 17-3-2026
V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con
khi ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – CẦN THƠ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Thạch Thị Sa The.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Giáp.

Ông Đỗ Văn Quân.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phan Công Trện – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ tham gia phiên toà:* Ông Lý Út Hoài - Kiểm sát viên.

Trong ngày 17 tháng 3 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 368/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2025 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 169/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Liêu Thị Diễm H**; Sinh 25/12/1995; Số CCCD: 094195012092, ngày 26/9/2022; Nơi cư trú: **Ấp B, xã M, thành phố Cần Thơ.**

- *Bị đơn:* Anh **Đặng Vũ Đ**; Sinh ngày 01/8/1994; Số CCCD: 094094006352, ngày cấp 12/8/2021; Nơi cư trú: **Ấp D, xã L, thành phố Cần Thơ.**

(Chị **Liêu Thị Diễm H** và anh **Đặng Vũ Đ**: có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện đề ngày 01/12/2025 (BL 38) và trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn chị **Liêu Thị Diễm H** trình bày:**

Nguyên vào năm 2022, chị **Liêu Thị Diễm H** và anh **Đặng Vũ Đ** quen biết nhau, sau thời gian tìm hiểu thì tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, có đăng ký kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng (nay là xã M, thành phố Cần Thơ) cấp giấy chứng nhận kết hôn số

81, ngày 28/6/2022. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau hạnh phúc tại **ấp B, xã M, thành phố Cần Thơ**. Đến năm 2024 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, nên sống ly thân với nhau cho đến nay. Trong thời gian chung sống, chị xác định vợ chồng chị có một con chung là **Đặng Gia K**, sinh ngày 09/11/2022, hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Chị xác định vợ chồng chị không có tài sản chung và nợ chung. Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề như sau:

- Về hôn nhân: Chị yêu cầu Tòa án giải quyết được ly hôn với anh **Đặng Vũ Đ**.

- Về con chung: Chị yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung là **Đặng Gia K**, sinh ngày 09/11/2022 cho đến khi thành niên. Chị **H** yêu cầu anh **Đ** cấp dưỡng cho con chung số tiền 4.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị xác định vợ chồng chị không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Chị **H** xác định hiện nay chị đang làm công nhân, thu nhập 7.000.000 đồng/tháng. Với thu nhập trên thì chị đủ khả năng cấp dưỡng con chung, ngoài ra chị có mẹ ruột sinh năm 1970 là giáo viên đã nghỉ hưu, nên hỗ trợ chị chăm sóc con chung và chi phí sinh hoạt cũng như hiện nay chị đang sống chung với con tại nhà riêng ở **ấp B, xã M, thành phố Cần Thơ**.

*Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện chị **H** giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm có:* Căn cước công dân của **Liêu Thị Diễm H** (Bản sao có chứng thực); Giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 28/6/2022; Giấy khai sinh **Đặng Gia K** (Bản sao có chứng thực); Hợp đồng lao động ngày 08/02/2025; Phiếu thu tiền ngày 15/12/2025 về đóng học phí lớp can thiệp cho **Đặng Gia K**; Sao kê tài khoản ngày 08/01/2026; Sổ khám sức khỏe của **Đặng Gia K**.

** Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn anh **Đặng Vũ Đ** trình bày:*

Anh thống nhất với ý kiến trình bày của nguyên đơn theo nội dung thông báo thụ lý vụ án số 368/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, về thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung cũng như nguyên nhân mâu thuẫn. Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về hôn nhân: Anh thống nhất ly hôn theo yêu cầu của chị **Liêu Thị Diễm H**.

- Về con chung: Anh xác định vợ chồng anh có 01 con chung là **Đặng Gia K**, sinh ngày 09/11/2022, hiện đang do chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng. Nay ly hôn thì anh đề nghị được quyền nuôi dưỡng con chung mà không yêu cầu chị **H** cấp dưỡng cho con. Trường hợp Tòa án giao con chung cho chị **H** trực tiếp nuôi thì anh đồng ý cấp dưỡng cho con chung số tiền 4.000.000 đồng/tháng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh xác định trong thời gian chung sống vợ chồng anh không có tài sản chung và không có nợ chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hiện nay anh làm lao động tự do, với thu nhập 8.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng, với thu nhập đó, anh đảm bảo cuộc sống cho con được tốt. Ngoài ra anh có giao nộp cho Tòa án giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cha mẹ ruột của anh, cũng như giấy sang bán nền nhà do cha mẹ anh

mua của người khác, hiện đang chuẩn bị làm giấy tờ tặng cho anh; anh hiện cũng đang sống chung với cha ruột hiện nay đã lớn tuổi và ở gần nhà anh có mấy người cháu nhỏ thường hay qua lại, nên rất thuận lợi cho việc chăm sóc cháu **K** có chứng chậm nói.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn vẫn giữ nguyên ý kiến về yêu cầu con chung. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

** Kiểm sát viên tham gia phiên tòa nêu quan điểm:*

- Qua thực hiện chức năng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa cũng như Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, chứng cứ được thu thập đầy đủ đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho các đương sự. Nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định pháp luật. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Hội đồng xét xử đã xác định đúng quan hệ tranh chấp là “Ly hôn và nuôi con khi ly hôn”.

- Về việc giải quyết vụ án: Xét thấy tình cảm vợ chồng chị **H** và anh **Đ** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị **H** cho vợ chồng chị **H** và anh **Đ** ly hôn. Về con chung giao cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng; Ghi nhận sự tự nguyện của anh **Đ** về mức cấp dưỡng cho con chung, buộc anh **Đ** cấp dưỡng cho con chung số tiền 4.000.000 đồng/tháng. Về tài sản chung và nợ chung đương sự xác định không có nên không đặt ra xem xét. Ngoài ra còn buộc chị **H**, anh **Đ** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Chị **Liêu Thị Diễm H** và anh **Đặng Vũ Đ** kết hôn và đã được Ủy ban nhân dân xã **T**, huyện **M**, tỉnh **Sóc Trăng** (nay là xã **M**, thành phố **Cần Thơ**) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81/2022 ngày 28/6/2022, đồng thời chị **H** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn và nuôi con khi ly hôn với anh **Đ**. Do vậy, Tòa án xác định quan hệ pháp luật là Ly hôn và nuôi con khi ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự và tranh chấp này được pháp luật điều chỉnh tại Điều 51, 56 và 58 của Luật Hôn nhân và gia đình là phù hợp.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 01/12/2025, chị **Liêu Thị Diễm H** yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Đặng Vũ Đ** có nơi cư trú tại **ấp D, xã L, thành phố Cần Thơ**, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ thụ

lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[2] Xét yêu cầu của nguyên đơn **Liêu Thị Diễm H.**

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2022, chị **H** và anh **D** sau thời gian quen biết và tìm hiểu nhau đã tự nguyện tổ chức lễ cưới, sau đó có đăng ký kết hôn đúng theo trình tự thủ tục luật định và đã được **Ủy ban nhân dân xã T**, thành phố Cần Thơ cấp giấy chứng nhận kết hôn số 81 ngày 28/6/2022. Theo Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân giữa chị **H** và anh **D** là hợp pháp nên làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng theo quy định của pháp luật. Trong đó có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc trong gia đình và chung sống với nhau. Thời gian đầu thì vợ chồng chị **H**, anh **D** có cuộc sống hôn nhân hạnh phúc, nhưng sau đó thì phát sinh mâu thuẫn và đã không còn chung sống với nhau mặc dù không có thỏa thuận khác và cũng không vì yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động kinh tế, xã hội. Như vậy, chị **H** và anh **D** đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng được quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; Vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần thiết áp dụng các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị **Liêu Thị Diễm H** và anh **Đặng Vũ Đ** xác định vợ chồng có 01 con chung là **Đặng Gia K**, sinh ngày 09/11/2022. Việc này cũng hoàn toàn phù hợp với giấy khai sinh của cháu **Đặng Gia K** thể hiện là con chung của chị **H** và anh **D**. Hiện hai cháu đang do chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng.

[2.3] Xét yêu cầu của chị **H** và anh **D** được quyền nuôi con chung là cháu **Đặng Gia K**, sinh ngày 09/11/2022 thấy rằng:

Theo sổ khám sức khỏe của **Bệnh viện N** và lời thừa nhận của các đương sự thì hiện nay cháu **K** có biểu hiện chậm nói, khả năng giao tiếp còn hạn chế, nên cháu đang được cho tham gia lớp can thiệp sớm tại **Công ty TNHH T Vàng** nhằm hỗ trợ phát triển ngôn ngữ và kỹ năng giao tiếp.

Từ khi vợ chồng chị **H** và anh **D** sống ly thân đến nay, cháu **K** do chị **H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, đồng thời chị **H** cũng là người trực tiếp đưa đón cháu tham gia lớp can thiệp nêu trên. Qua xem xét tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cũng như lời trình bày của các đương sự cho thấy trong thời gian này cháu vẫn được bảo đảm các điều kiện cần thiết về chăm sóc, nuôi dưỡng và phát triển ổn định về thể chất, tinh thần.

Đối với ý kiến của anh **D** cho rằng chị **H** không có đủ điều kiện nuôi dưỡng con chung, đồng thời cho rằng bản thân có điều kiện nuôi con tốt hơn vì gia đình có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cha mẹ ruột, Hội đồng xét xử xét thấy: việc xem xét giao con cho bên nào trực tiếp nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, bao gồm điều kiện chăm sóc,

nuôi dưỡng, môi trường sống ổn định và sự gắn bó thực tế của con với cha hoặc mẹ.

Trong vụ án này, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên cha mẹ ruột của anh **D** không phải là tài sản thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của anh **D**, do đó không phải là căn cứ trực tiếp để xác định điều kiện nuôi dưỡng con của anh **D** tốt hơn chị **H**. Mặt khác, anh **D** không cung cấp được chứng cứ chứng minh chị **H** không đủ điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con. Tại phiên tòa, anh **D** cũng thừa nhận hiện nay, chị **H** có đủ các điều kiện nuôi dưỡng con chung đảm bảo được tốt về mọi mặt.

Xét thấy việc duy trì môi trường sống ổn định và quá trình can thiệp hiện nay của cháu **K** là cần thiết cho sự phát triển của cháu, nên cần tiếp tục giao cháu **Đăng Gia K** cho chị **H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, bảo đảm quyền lợi mọi mặt của cháu theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2.4] Về cấp dưỡng cho con chung: Tại phiên tòa, anh **D** tự nguyện cấp dưỡng cho cháu **Đăng Gia K** số tiền 4.000.000 đồng/tháng. Xét thấy sự tự nguyện của anh **D** là phù hợp với quy định của pháp luật, bảo đảm điều kiện chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Do đó, buộc anh **D** có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con chung là cháu **Đăng Gia K** số tiền 4.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho cháu **K1** thành niên.

[2.5] Bên cạnh đó anh **D** có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở theo Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **H** và anh **D** xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Đây là vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và quy định tại điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án do đó trong vụ án ly hôn nguyên đơn phải chịu án sơ thẩm, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Vì vậy chị **H** chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với vụ án ly hôn là 300.000 đồng. Anh **D** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng.

[5] Về quyền kháng cáo bản án: Căn cứ vào Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, chị **H** và anh **D** được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm), kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử theo trình tự phúc thẩm.

[6] Như đã phân tích nêu trên, nhận thấy đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Cần Thơ đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị **Liêu Thị Diễm H.**

1/ Về quan hệ hôn nhân: Chị **Liêu Thị Diễm H** được ly hôn với anh **Đặng Vũ Đ.**

2/ Về con chung: Giao cháu **Đặng Gia K**, sinh ngày 09/11/2022 cho chị **Liêu Thị Diễm H** trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; anh **Đặng Vũ Đ** phải cấp dưỡng cho con chung với số tiền là 4.000.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng, thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu **K** thành niên.

Anh **Đặng Vũ Đ** có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về tài sản chung và nợ chung: Chị **Liêu Thị Diễm H** và anh **Đặng Vũ Đ** xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4/ Về án phí dân sự sơ thẩm: Chị **Liêu Thị Diễm H** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0011616, ngày 08/12/2025 của Thi hành án dân sự thành phố Cần Thơ. Chị **Liêu Thị Diễm H** đã thực hiện xong; anh **Đặng Vũ Đ** phải nộp số tiền là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 – Cần Thơ.

5/ Về quyền kháng cáo: Các đương có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đề yêu cầu Tòa án Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND khu vực 9 – Cần Thơ;
- THADS TP. Cần Thơ;
- UBND xã Thuận Hưng, TP Cần Thơ;
- TAND TP Cần Thơ (P.GĐ, KT, TT & THA);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Thạch Thị Sa The